

Bản án số: 445/2021/DS-PT

Ngày: 24/12/2021

V/v: “*Tranh chấp về
đòi công trình trên đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: ông Võ Văn Khoa

 ông Đặng Văn Ý

- *Thư ký phiên tòa:* ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:*

Ông Nguyễn Gia Viễn, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/1994/TLPT-DS ngày 18/8/1994 về việc “*Tranh chấp về đòi công trình trên đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08 ngày 29/06/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2505/2021/QĐ-PT ngày 08/11/2021 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn:

Bà Trương Thị T, sinh năm 1907 (chết vào ngày 19/06/1993);

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Trương Thị T:

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1965 (chết vào ngày 02/01/1995);

Địa chỉ: tổ 15, phường 6, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2/Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1920 (vắng mặt);

Địa chỉ: phường 6, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Người kháng cáo:

Bà Trương Thị T, là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của bà Trương Thị T, yêu cầu khởi kiện của đương sự như sau:

Sau ngày 30/04/1975, ông Phạm Phú (là chồng của bà Trương Thị T) mua căn nhà số 18/12 Đề Thám, phường 6, thành phố Vũng Tàu (số cũ 18/12 ô 4, Bình Sơn, phường Thắng Nhì); nhà mái tôn, nền xi-măng, diện tích là 80 m² (4 m x 20 m) của ông Ngô Phước, giá tiền là 45.000 đồng.

Khi mua bán, hai bên có làm giấy tờ và có xác nhận của chính quyền địa phương (nhưng hiện nay, đã mất giấy tờ mua bán). Sau đó, gia đình bà Tiến đã chuyển đến ở, từ năm 1975 đến năm 1980; tiếp sau đó, gia đình bà Tiến dỡ vật liệu của căn nhà, dùng để làm căn nhà khác tại đường Phạm Hồng Thái, phường 7, thành phố Vũng Tàu,

Vào năm 1981, gia đình ông Nguyễn Văn N (ở bên cạnh) phá tường nhà, chiếm đất, cất nhà ở từ đó đến nay; Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Vũng Tàu đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng không thành.

Vì vậy, bà Tiến khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả lại căn nhà số 18/12 Đề Thám cùng với những công trình có trên phần nhà này.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày ý kiến như sau:

Vào năm 1968, gia đình ông Nọ khai phá diện tích đất mà bà Tiến tranh chấp nói trên. Sau đó, ông Nọ xây dựng 2 căn nhà: một căn nhà mang số 18/10 và một căn nhà mang số 18/12 Đề Thám (nay là Bình Sơn, phường Thắng Nhì).

Sau khi xây nhà xong, gia đình ông Nọ ở căn nhà số 18/10, còn căn nhà số 18/12 thì cho người khác ở nhờ: từ năm 1968 đến năm 1974, cho ông Ôn ở nhờ; từ năm 1976 đến năm 1977, cho ông Phước ở nhờ.

Sau khi ông Phước chuyển đi nơi khác, gia đình ông Phạm Phú đến ở nhờ. Đến năm 1979, gia đình ông Phú-bà Tiến chuyển đi; gia đình bà Tiến có xin ông Nọ cho dỡ phần mái nhà mang đi để làm căn nhà mới; gia đình ông Nọ đồng ý. Ngoài ra, ông Nọ còn cho gia đình bà Tiến-ông Phú 01 m³ gỗ.

Sau khi gia đình bà Tiến chuyển đi, ông Nọ đã cho người con gái (là bà

Hồng) dọn đến ở tại căn nhà 18/12 Đề Thám. Sau đó, bà Hồng đã phá bỏ căn nhà cũ, xây dựng nhà mới và ở từ ngày đó cho đến nay.

Ông Nọ không đồng ý trả căn nhà số 18/12 Đề Thám cho bà Tiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08 ngày 29/06/1994, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị T đòi ông Nguyễn Văn N phải trả lại công trình trên đất tại số nhà 18/12 Đề Thám.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/07/1994, nguyên đơn bà Trương Thị T, do người đại diện ủy quyền là bà Phạm Thị Hoa, kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn N phải trả lại căn nhà số 18/12 Đề Thám.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

-Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, nguyên đơn là bà Trương Thị T, do bà Phạm Thị Hoa làm đại diện, có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Sau đó, Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý để giải quyết vụ án theo luật định.

Tuy nhiên, cho đến nay, thì bà Trương Thị T (là nguyên đơn), bà Phạm Thị Hoa (là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị T) đều đã chết mà không tìm được người thừa kế của họ.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Nguyên đơn là bà Trương Thị T chết vào ngày 19/06/1993 (giấy chứng tử số 27, quyển số 5, đăng ký ngày 19/06/1993 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Vũng Tàu-bút lục 89), trước khi Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử vụ án này bằng bản án dân sự sơ thẩm số 08 ngày 29/06/1994.

Tuy nhiên, vì không biết sự việc xảy ra, khi xét xử vụ án vào ngày 29/06/1994, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận cho bà Phạm Thị Hoa tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện (theo ủy quyền) của bà Trương Thị T.

[2]Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 08/07/1994, bà Phạm Thị Hoa, với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị T, có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Việc kháng cáo của bà Phạm Thị Hoa là không đúng thủ tục bởi vì khi bà Trương Thị T chết, việc ủy quyền (tham gia tố tụng) phải bị chấm dứt.

[3]Bà Trương Thị T chết vào ngày 19/06/1993 (bút lục 89); bà Phạm Thị Hoa chết vào ngày 02/01/1995 (giấy chứng tử số 02, quyển số 7, đăng ký vào ngày 02/01/1995 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Vũng Tàu-bút lục 83).

Tại giấy chứng tử của bà Phạm Thị Hoa, ghi rằng người khai tử là ông Phan Văn Tâm, là người chồng của bà Phạm Thị Hoa).

[4]Ông Phan Văn Tâm có hai địa chỉ như sau:

-Địa chỉ thứ nhất: 22B Lương Văn Hào, phường 6, thành phố Vũng Tàu;

-Địa chỉ thứ hai: 6A Lương Văn Hào, phường 6, thành phố Vũng Tàu.

(thể hiện tại giấy chứng tử của bà Trương Thị T lập vào ngày 19/06/1993 và tại giấy chứng tử của bà Phạm Thị Hoa lập vào ngày 02/01/1995).

[5]Sau đó, vào ngày 06/05/1996, Tòa Phúc thẩm-Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 26/QĐPT để tạm đình chỉ giải quyết vụ án; lý do như sau: chưa xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà Trương Thị T.

Vào ngày 29/12/2004, Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định số 23/HĐTP-DS hủy quyết định số 26/QĐPT ngày 06/05/1996 của Tòa Phúc thẩm-Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về phần tuyên rằng bản án dân sự sơ thẩm số 08 ngày 29/06/1994 của Tòa án cấp sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[6]Tiếp theo sau đó, Tòa Phúc thẩm-Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 19/10/2006, Tòa Phúc thẩm-Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra văn bản số 389/CVPT ủy thác cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác minh về những vấn đề sau đây:

-Xác minh để làm rõ những người thừa kế của bà Trương Thị T là ai và hiện nay, họ đang ở đâu?

-Trong số những người thừa kế của bà Trương Thị T, ai là người đồng ý kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trương Thị T trong vụ án?

Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã thực hiện việc xác minh theo sự ủy thác nói trên; kết quả như sau:

-Vào ngày 22/12/2006, Thẩm phán Nguyễn Văn Hùng (Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) cùng với ông Nguyễn Tấn Lợi (cán bộ tư pháp của Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Vũng Tàu), ông Phạm Văn Sỹ (cảnh sát khu vực) cùng đến gặp ông Phan Văn Tèo (là tổ trưởng tổ dân phố 42, phường 6, thành phố Vũng Tàu) để xác minh về những người thừa kế của bà Trương Thị T; kết quả xác minh như sau: *“Qua xác minh tại tổ dân phố và sổ quản lý hộ khẩu tại công an phường 6 thì thấy: -Số nhà 18/12 Đề Thám nay là đường Trần Xuân Độ thực tế không có ở địa phương, chúng tôi không biết bà Tiến sống ở đâu; - Bà Trương Thị T cũng không có hộ khẩu trong sổ quản lý hộ khẩu lưu trữ tại công an phường 6 và sổ theo dõi của tổ 42; -Hiện tại chúng tôi không biết bà Tiến có con cháu hay không”*.

[7]Như vậy, tính cho đến nay, Tòa án vẫn không xác định được người thừa kế của bà Trương Thị T để có thể xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự (bà Trương Thị T chết vào năm 1993, trước khi xét xử sơ thẩm) để tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

Trong trường hợp đó, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án nói trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 217; Điều 311 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;

1/Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 08 ngày 29/06/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và đình chỉ giải quyết vụ án.

2/Về án phí: sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Phạm Thị Hoa đã nộp theo biên lai số

05/T.H.A ngày 18/10/1993 của Phòng Thi hành án tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (bút lục 27) và số tiền 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Phạm Thị Hoa đã nộp theo biên lai số 142/PT-THA ngày 12/07/1994 của Phòng Thi hành án tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (bút lục 63).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng